TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-10- 2023.
V/v: "Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.
- Bị đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số nhà 229, đường L, tổ 9, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1972.
+ Bà Trần Thị T 1, sinh năm 1976.
Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.
+ Bà Lương Thị M1 sinh năm 1963.
Địa chỉ: Số nhà 229, tổ 9, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh M, chị T, bà M1, bà T1, ông Đ có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, các đương sự trình bày:

Anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mắng cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022. Quá trình sống ly thân vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, bản thân anh có một vài lần liên lạc qua điện thoại bảo chị T đưa con về chung sống cùng anh nhưng đều không có kết quả. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Minh T.

Chị Trần Thị Minh T: Về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà đất của bố mẹ chồng ở Xóm 5, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M và gia đình anh M gây sức ép, nhiều lần có hành vi bạo lực và xúc phạm nhưng chị đều cố gắng chịu đựng mong muốn gìn giữ gia đình. Khi chị có bầu thì anh M có hành vi bạo lực và xúc phạm nhiều hơn. Khi sinh con chị bị băng huyết, thời điểm đó dịch Covid -19 bùng phát bản thân chị cũng bị nhiễm Covid – 19 sức khỏe rất yếu nên phải tách con về nhà mẹ đẻ, còn chị vẫn ở cùng anh M. Đến sáng ngày 07/03/2022 anh M dùng chiếc quạt sưởi đe dọa đập chết chị, lúc đó có bố anh M cảnh giới bên ngoài, mẹ anh M chốt cửa cảnh giới bên trong và giữ điện thoại của chị. Sau đó anh M đưa chị về nhà ngoại ở cùng với con. Đến ngày 13/3/2022 anh M đi học nghiệp vụ tại trường H vợ chồng sống ly thân từ đó. Thời gian sống ly thân chị có gọi điện để anh M về đón vợ con nhưng anh chặn liên lạc. Sau đó anh M và gia đình có những biện pháp ép buộc chị phải ly hôn, trong khi sức khỏe và tinh thần sau sinh của chị chưa được ổn định. Trong lúc khó khăn nhất thì anh M và gia đình không quan tâm đến mẹ con chị. Nay anh M xin ly hôn chị không nhất trí mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có một con chung là Nguyễn Trần B A (con gái), sinh ngày 23/02/2022, hiện con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh M có nguyện vọng đồng ý giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000đ, trường hợp chị T không ly hôn thì anh chỉ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Hiện chị T không có thai nghén. Chị T đề nghị, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì xin được nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/1tháng và nếu chỉ cấp dưỡng 1.800.000đ/tháng thì chị yêu cầu cấp dưỡng một lần đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận giải quyết như sau: Tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2023, anh M đã bàn giao cho chị T các tài sản gồm: 01 ti vi Sam sung 55 inch, 02 bộ rèm cửa, 01 máy vi tính nhãn hiệu HKC và 01 bàn kê máy vi tính kèm theo bàn phím, 03 tủ nhựa, 01 bình nóng lạnh, 01 điều

hòa nhãn hiệu Panasonic, 01 quạt hơi nước, 01 tủ lạnh 150 lít cũ nhãn hiệu Panasonic, 01 bộ bàn ghế gỗ cũ, 01 máy say sinh tố philips, 01 bộ nồi và đồ dùng, cá nhân, tư trang, quần áo của mẹ con chị T. Đối với mái tôn làm trên tầng hai của ngôi nhà trên thửa đất 312, tờ bản đồ số 30, diện tích 81m^2 địa chỉ: Xóm 5, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam mang tên ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị T1; anh M bàn giao cho chị T giá trị mái tôn bằng tiền là 20.000.0000đ (có biên bản giao nhận tài sản và tiền ngày 20/9/2023 của chị Trần Thị Minh T lập, có chữ ký xác nhận của anh Nguyễn Quang M và bà Trần Thị T1). Anh Nguyễn Quang M có đơn xin rút yêu cầu về giải quyết tài sản, chị T và bà T1 hoàn toàn đồng ý với việc rút yêu cầu của anh M và không còn ý kiến gì khác.

- Về công nợ: Anh M, chị T xác định không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh M tự nguyện nộp toàn bộ.

* Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị T1: Ông bà có mua thửa đất số 312, tờ bản đồ PL06, diện tích 81m^2 tại Xóm 5, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/2020 mang tên Nguyễn Quang Đ và Trần Thị T1, trên đất có ngôi nhà hai tầng. Ngày 02/11/2020 ông bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T là con trai và con dâu ở nhờ để tiện cho công việc và sinh hoạt của các con. Đến tháng 9/2021 các con có gọi điện xin phép ông bà để làm thêm mái tôn chống nóng, ông bà đồng ý và cho vợ chồng anh chị 10.000.000đ để làm mái tôn. Kể từ khi cho các con mượn nhà vợ chồng ông bà không sinh sống tại nhà và đất ở Xóm 5, xã L. Nay anh M, chị T đã tự giải quyết xong về tài sản và bàn giao lại mái tôn, nhà, đất cho cho ông Đ và bà T1 quản lý sử dụng từ ngày 20/9/2023 nên ông bà nhất trí với việc rút yêu cầu của anh M về giải quyết tài sản, không còn ý kiến gì khác.

- Quan điểm trình bày của bà Lương Thị M1: Con gái bà là Trần Thị Minh T kết hôn với anh Nguyễn Quang M. Cuối tháng 02/2022 anh M đưa mẹ con chị T lên nhờ bà chăm sóc vì khi đó chị T đang bị nhiễm Covid - 19 và bị băng huyết sau sinh. Tháng 3/2022 anh M lên trường H để theo học. Thời gian đó bố mẹ đẻ anh M không có trách nhiệm chăm sóc mẹ con chị T trong giai đoạn hiểm nghèo. Bản thân bà đã biết được những sự tệ bạc, cư xử vô đạo đức của anh M và bố mẹ đẻ anh M, đã bạo hành nghiêm trọng đến chị T từ khi mang thai và sau sinh nhưng vì thương con, cháu bà đã cố gắng hàn gắn cho các con. Bà khuyên nhủ anh M và cả bố mẹ đẻ anh M nhưng họ không thay đổi. Từ đó đến nay, anh M và phía gia đình liên tục đe dọa, xúc phạm, danh dự, nhân phẩm, của con bà, ép buộc con bà phải ly hôn trái với ý muốn và không có bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ gì với con chung từ khi cháu mới sinh ra. Gia đình bà đã nhiều lần liên lạc với anh M thì anh chặn liên lạc và không có trách nhiệm gì khi mẹ con chị T ở trong tình trạng nguy hiểm về tính mạng và sức khỏe. Từ đó đến nay, bản thân bà đã bỏ mọi công việc (trong khi bà đang đi làm hàng tháng thu nhập 6.00.000đ) để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A là con đẻ của anh M và chị T từ cuối tháng 02/2022 cho đến nay mà

không có bất cứ sự đóng góp gì về nghĩa vụ từ phía anh M. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, bà đề nghị Tòa án buộc anh M phải thanh toán cho bà phần công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần B A từ tháng 02/2022 đến nay là 50.000.000đ.

- Quan điểm của anh M: Quá trình anh đi học tại trường H, vợ anh đưa con về nhà bà M1 ở, anh có đến thăm bảo vợ, con về nhưng chị Th và người thân trong gia đình cản trở không cho anh thăm gặp vợ con. Thời gian đi học anh có chuyển tiền qua tài khoản cho chị T để phục vụ việc con ốm là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Khi gọi điện hỏi thăm thì chị Tvà gia đình đều nói không cần tiền của anh, thời gian con ở với chị T, con ốm và tiêm phòng hết khoảng gần 10.000.000đ; anh đã giao cho chị T số tiền 10.000.000đ tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2023. Việc vợ anh tự ý ở nhà bà M1 và không đưa con về chung sống cùng anh, chứ anh không gửi và không nhờ bà M1 chăm sóc con anh. Nay bà M1 yêu cầu anh phải thanh toán cho bà M1 số tiền 50.000.000đ công sức chăm sóc Nguyễn Trần B A, anh không nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Anh M giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và chỉ cấp dưỡng cho con hàng tháng là 1.000.000đ; không chấp nhận thanh toán cho bà M1.

- Chị T có ý kiến: Anh M đối xử quá tệ bạc, không còn tình nghĩa gì, có lối sống lệnh lạc, thiếu đạo đức, chuẩn mực, thường xuyên đe dọa, bạo hành, gây sức ép tâm lý. Chị đã chịu đựng rất nhiều, cố níu kéo để gia đình đoàn tụ, mặc dù vợ chồng không sống cùng nhau từ tháng 3/2022 đến nay. Tại phiên tòa, anh M vẫn cố tình dứt bỏ vợ con thì chị bắt buộc phải chấp nhận ly hôn với anh M chứ chị không thuận tình ly hôn.

- Bà M1 giữ nguyên yêu cầu buộc anh M phải thanh toán công sức đã trông nom cháu Nguyễn Trần B A là con đẻ của anh M theo đơn yêu cầu đã gửi đến Tòa, ngoài ra không còn đề nghị gì khác.

- Bà T1 hoàn toàn nhất trí với việc rút đơn giải quyết về tài sản của anh Nguyễn Quang M không còn ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình trự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 574, 576 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần B A, sinh ngày 23/02/2022. Anh M có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con là cháu A từ 2.500.000đ đến 3.000.000đ/01 tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M1 yêu cầu anh Minh thanh toán phần công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Đề nghị Hội đồng xét xử dựa trên tài liệu do đương sự cung cấp để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Minh T đang cư trú tại: Tổ 9, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Đ có văn bản xin giải quyết vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và công bố lời khai tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Do đó cuộc hôn nhân của anh M và chị T thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Quang M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh M và chị T có thời gian đầu chung sống tại Xóm 5, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và có một con chung. Đến tháng 02/2022 khi chị T sinh con đầu lòng bị băng huyết và nhiễm Covid – 19 nên tách con về gia đình nhà bà M1(mẹ đẻ chị T) để tránh lây nhiễm. Tháng 3/2022 chị T khỏi Covid - 19, anh M đi học nên chị T về nhà bà M1 chăm sóc con và sinh sống tại số nhà 229, đường L, tổ 9, phường L, thành phố P từ đó đến nay. Theo anh M có vài lần liên lạc bằng điện thoại với chị T và một lần đến thăm con để thuyết phục chị T đưa con trở về ở nhà tại Xóm 5, xã L của ông bà Đ, T1 nhưng chị T không đưa con về. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, các nội dung trên là sự thật, các đương sự thống nhất khai nhận nên Tòa không phải chứng minh. Chị T xin đoàn tụ nhưng lời khai và các tài liệu chị xuất trình thể hiện rõ mâu thuẫn giữa đôi bên là thực sự trầm trọng, cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn tồn tại từ tháng 3/2022 đến nay, mục đích cuộc hôn nhân là gia đình tiến bộ hạnh phúc không đạt được. Tại phiên tòa chị T cho rằng anh

Minh cố tình dứt bỏ đòi ly hôn thì chị cũng bắt buộc phải ly hôn. Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quang M là phù hợp thực tế, đúng pháp luật. Thời điểm chấm dứt hôn nhân của anh chị kể từ ngày bản án xử ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T thống nhất xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trần B A (con gái), sinh ngày 23/02/2022. Khi ly hôn anh M đồng ý Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T đồng ý. Vì con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi nên có căn cứ pháp luật để giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Tại phiên tòa chị T yêu cầu hàng tháng anh M cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ. Anh M chỉ chấp nhận cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Tuy nhiên theo xác nhận của cơ quan nơi anh công tác cung cấp thì thu nhập của anh M hiện tại là 10.373.184đ/tháng; trong khi thu nhập của chị T chỉ chưa đến 6.000.000đ/tháng. Căn cứ nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi thực tế tại địa phương và thụ nhập của đôi bên thì Hội đồng xét xử thấy cần quyết định mức cấp dưỡng hàng tháng mà anh M phải thực hiện là 3.000.000đ để nuôi dưỡng con chung cùng chị T theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp pháp luật. Quyền thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về con nuôi, con riêng: Các đương sự xác nhận không có. Chị Trần Thị Minh T xác nhận hiện chị không có thai nghén nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản: Các đương sự đã tự thỏa thuận tự nguyện giải quyết xong từ 20/9/2023; anh M đã rút đơn giải quyết về tài sản trong thời kỳ hôn nhân, chị T, ông Đ và bà T1 đã nhất trí với việc rút đơn của anh M, không còn ý kiến gì khác. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đình chỉ xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự xác nhận không công nợ ai, không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán công sức, trông nom, chăm sóc cháu Nguyễn Trần B A của bà Lương Thị M1. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự thì từ cuối tháng 02 năm 2022 cho đến nay con chung của anh M, chị T là cháu Nguyễn Trần B A được chị T đưa về ở cùng với bà Lương Thị M1 (mẹ đẻ chị T) là có thật. Mặc dù anh M cho rằng việc này là do chị T tự ý quyết định không đưa con về Xóm 5, xã L sinh sống để anh có quyền và trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng. Tuy nhiên thực tế từ tháng 3/2022 đến nay anh cũng đang đi học tại tường H nên Hội đồng xét xử đánh giá công sức trông nom, chăm sóc cháu Nguyễn Trần B A của bà Lương Thị M1 là sự thực. Căn cứ Điều 574, Điều 575 của Bộ luật Dân sự thì bà Lương Thị M1 đã tự nguyện thực hiện việc trông nom chăm sóc đối với cháu Nguyễn Trần B A, mặc dù không có ủy quyền của anh M, nhưng vì lợi ích của anh M và chị T nên đã chăm sóc con chung của anh chị từ khi mới sinh ra cho đến nay mà không bị anh M phản đối. Nay bà M1yêu cầu anh M thực hiện thanh toán công sức trông nom con anh M với thời gian từ tháng 3/2022 cho đến nay là 50.000.000đ. Ngoài ra không còn bất kỳ yêu cầu gì khác nữa. Đối chiếu với

quy định tại khoản 2 Điều 576 của Bộ luật Dân sự thì bà M1 đã thực hiện công việc chu đáo, tận tình hỗ trợ, có lợi cho anh M, chị T vì đây là nghĩa vụ chăm sóc con chung của anh M, chị T theo quy định tại Điều 69, 71 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà M là chính đáng, phù hợp với công sức mà bà đã bỏ ra trong việc thực hiện công việc không có ủy quyền nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên việc thanh toán khoản tiền này cho bà M là nghĩa vụ chung của anh M và chị T. Nay bà M1 chỉ đòi anh M thì anh M phải chịu một nửa là số tiền 25.000.000đ để trả cho bà M1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh M cho rằng trong thời gian đi học có chuyển khoản cho chị T số tiền 2.000.000đ và tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ anh đã giao cho chị T số tiền 10.000.000đ về khoản tiền phục vụ con ốm và tiêm phòng cho con nên anh không phải thanh toán cho bà M1 nữa. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy đây là thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ tự nguyện chăm sóc con chung giữa anh và chị T trong thời kỳ hôn nhân không liên quan đến yêu cầu của bà M1 nên đề nghị của anh không có căn cứ chấp nhận.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M nộp toàn bộ, anh M đã thanh toán xong.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng và án phí thanh toán nghĩa vụ công sức của bà Mai: Anh M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản: Anh Mđã rút đơn giải quyết về tài sản nên được nhận lại.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 146; 147; 157; 228; khoản 2 Điều 244 ; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 574, 575, 576 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quang M: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Quang M và chị Trần Thị Minh T. Thời điểm chấm dứt ly hôn kể từ khi bản án xử ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung:

- Giao chị Trần Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trần B A (con gái), sinh ngày 23/02/2022. Buộc anh

Nguyễn Quang M phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 11/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về con nuôi, con riêng: Không có, hiện chị T không có thai nghén gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Buộc anh Nguyễn Quang M phải thanh toán công sức cho bà Lương Thị 1 (người thực hiện công việc không có ủy quyền một khoản thù lao) là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Nguyễn Quang M. Vợ chồng không có công nợ chung và không cho ai nợ trong thời kỳ hôn nhân.

5/ Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

6/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M nộp toàn bộ, anh đã thanh toán xong.

6/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Anh Nguyễn Quang M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001666 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh M đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Án phí cấp dưỡng: Anh M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí thực hiện nghĩa vụ thanh toán công sức: Anh M phải nộp 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại anh Nguyễn Quang M số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 1.937.000đ (một triệu chín trăm ba mươi bẩy nghìn đồng) nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001711 ngày 12/9/2023.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ

TỈNH HÀ NAM

Sè: 15/2019/HNGĐ-ST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

Phñ Lý, ngµy 17 th¸ng 5 n¨m 2019

TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ

T¹i bản án d©n sù s¬ thÈm sè 15/Q§ST-HNG§ ngµy 16 th¸ng 5 n¨m 2019 vÒ vô ¸n d©n sù "KiÖn xin ly h«n" gi÷a:

- Nguyên đơn:Chị Phạm Thị Thanh, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Đỗ Tố Hữu, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: Khu tái định cư Bút Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ , TỈNH HÀ NAM

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh và anh Đỗ Tố Hữu.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Hiếu (con trai), sinh ngày 07/4/2007 cho chị Phạm Thị Thanh nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao cháu Đỗ Bảo Ngọc (con gái), sinh ngày 18/4/2012 cho anh Đỗ Tố Hữu nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh phải nộp 300.000đ, được đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001967 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Thanh đã nộp đủ.

Nơi nhận:
- Cấp cho chị Phạm ThịThanh.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai Oanh